

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 461 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/12/2020
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sông Hinh
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 169B06/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/12/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,80
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,80
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	7,07
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	8,59
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6,70
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	50
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,2
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,78
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E. Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Tấn Thuận

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

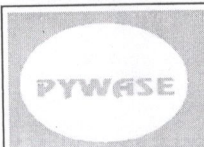
Nguyễn Văn Phong

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 462 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/12/2020

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Nhà làm việc NMN Sông Hình
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 169M₁06/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 03/06/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,9
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,42
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	6,74
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	7,58
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	55
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,8
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,57
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

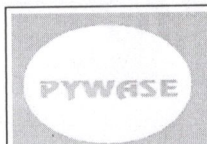
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 463 - 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/12/2020
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối Tuyên DT649 - NMN Sông Hinh
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 169M₂06/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 07/12/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,91
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,39
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	7,41
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	7,58
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	13,90
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	47
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,0
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ=0,01)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,21
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử